

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/01/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		SAVR+BK3+GTC1+BK14	7:25	14+0+0+0	0+0+0+0		8+6+0+5	0+0+0+0	chuyen 3 bk3-bk14chuyen 1 gtc1-bk14
2		TD3+BK16+SAVR	7:25	1+0+14	0+0+0		3+1+15	0+0+0	
3		P3+P5+SAVR	9:25	7+0+9	0+0+0		0+0+18	0+0+0	chuyen 1 P3-p5
4		TD5+P9+CTK3	11:25	9+0+3	0+0+0		3+1+14	0+0+0	chuyen 3 p9-ctk3

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 người bk16 về đi ctk3



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/01/2025	TO: SAVR - BK3 - GTC1 - BK14	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐTRUNG - VLINH	ETA: 09:35
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TA HUU HO	SAVR	01-02	2	12			72	DMC-MI	Vietnamese
2	FEDOSEEV DMITRII	SAVR	84-85	2	13			84	AMNGR	Russian
3	KUZNETSOV PAVEL	SAVR	86-88	3	14			92	AMNGR	Russian
4	KALININ ALEXANDER	SAVR	82-83	2	13			81	AMNGR	Russian
5	KRUGLOV OLEG	SAVR	400,21	2	18			70	AMNGR	Russian
6	KOSHELIUK IGOR	SAVR	78	1	9			87	AMNGR	Russian
7	SELTsov VLADIMIR	SAVR	97-98	2	10			78	AMNGR	Russian
8	BUSTAEV FARKHAT	SAVR	94-95	2	18			81	AMNGR	Russian
9	KRYLOV EVGENII	SAVR	91-92	2	12			79	AMNGR	Russian
10	DOROSHENKO ARTEM	SAVR	89-90	2	17			73	AMNGR	Russian
11	ABDRAKHMANOV ARTUR	SAVR	93	1	13			85	AMNGR	Russian
12	GOLUBKOV IGOR	SAVR	80-81	2	12			115	AMNGR	Russian
13	NGUYEN HOANG LONG	SAVR	99	1	12			85	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM HUU HUAN	SAVR	96	1	17			64	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	14	1.146	25	190	0	0	8		
2	BK3	0	0	0	0	5	61	6	+3	CHUYEN 3 PAX BK3-BK14
3	GTC1	0	0	0	0	0	0	0	+1	CHUYEN 1 PAX GTC1-BK14
4	BK14	0	0	0	0	1	2	5		
TOTAL		14	1.146	25	190	6	63	19		
WEIGHT KG			1.146		190		63			

GRAND TOAL: 1.399 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/01/2025	TO: TD3 - BK16 - SAVR	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LTUẤN - MẠNH	ETA: 09:20
Rank 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ XUÂN THĂNG	TD3	16	1	10	3	47	80	KHOAN	Vietnamese
2	TRƯỜNG MINH KHÁNH	SAVR	31	1	15			72	DVL	Vietnamese
3	LÊ CÔNG TRĂNG	SAVR	50-51	2	23			65	BAKER HU	Vietnamese
4	HUYNH TRONG PHUC	SAVR	46	1	7			61	AMNGR	Vietnamese
5	BUI VAN TU	SAVR	47-48	2	10			58	AMNGR	Vietnamese
6	HO TRONG TAN	SAVR	49	1	5			84	AMNGR	Vietnamese
7	TRAN HOANG HAI	SAVR	52-53	2	7			71	AMNGR	Vietnamese
8	KRIVOSHEEV MAKSIM	SAVR	32	1	16			94	AMNGR	Russian
9	BASHKIN ALEKSANDR	SAVR	45	1	16			88	AMNGR	Russian
10	ZHALEIKO NIKITA	SAVR	38-40	3	13			92	AMNGR	Russian
11	VAVILIN IVAN	SAVR	33-34	2	9			98	AMNGR	Russian
12	KRAVTSOV VLADISLAV	SAVR	43-44	2	19			102	AMNGR	Russian
13	ALMAEV PAMIL	SAVR	35	1	9			78	AMNGR	Russian
14	SIEEDIN ROMAN	SAVR	41-42	2	15			79	AMNGR	Russian
15	ZHDANOV VLADIMIR	SAVR	36-37	2	19			132	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	1	80	1	10	3	47	3		
2	BK16	0	0	0	0	0	0	1		
3	SAVR	14	1.174	23	183	0	0	15		
TOTAL		15	1.254	24	193	3	47	19		
WEIGHT KG			1.254		193		47			

GRAND TOAL: 1.494 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/01/2025	TO: P3 - P5 - SAVR	AIRCRAFT: 620	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LTUÂN - MẠNH	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRỊNH NGỌC TỬ	P3	85	1	10	5	91	74	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	P3	86	1	12	2	17	53	CODIEN	Vietnamese
3	QUÁCH SỸ TY	P3	80	1	13			68	CODIEN	Vietnamese
4	ĐỖ XUÂN THANG	P3	81	1	12			85	CODIEN	Vietnamese
5	PHẦN MẠNH HÙNG	P3	82-83	2	12			68	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NHANH	P3	84	1	9			62	PSV	Vietnamese
7	ĐẶNG VĂN HẬU	SAVR	70-71	2	16	1	3	83	DVL	Vietnamese
8	TRƯƠNG QUỐC THẮNG	SAVR	55-56	2	18			82	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NAM(CN)	SAVR	59	1	9	1	14	70	DVL	Vietnamese
10	VŨ TRƯỞNG GIANG	SAVR	65	1	12			68	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN HAI ĐĂNG	SAVR	66	1	16	1	5	83	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN NAM HAI	SAVR	63-64	2	16			80	DVL	Vietnamese
13	LƯƠNG MINH KHUÊ	SAVR	68-69	2	13			60	NIFI	Vietnamese
14	VÕ THANH ĐOÀN	SAVR	61-62	2	14			64	BAKER HU	Vietnamese
15	ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	SAVR	57-58	2	10			68	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P3	6	410	7	68	7	108	0	1	CHUYEN 1 PAX P3-P5
2	P5	0	0	0	0	0	0	0		
3	SAVR	9	658	15	124	3	22	18		
TOTAL		15	1.068	22	192	10	130	18		
WEIGHT KG			1.068		192		130			

GRAND TOAL: 1.390 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

điều: 1750Cg (pilot)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/01/2025	TO: TD5 - P9 - CTK3	AIRCRAFT: 620	ETD: 12:10
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: ĐTRUNG - VLINH	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN THÈ DỪNG	TD5				1	5	65	KHOAN	Vietnamese
2	BUI VĂN QUYẾT	TD5	02	1	6			90	KHOAN	Vietnamese
3	QUÁCH THÈ ANH	TD5	07	1	10			67	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN QUỐC HUY	TD5	09	1	10			72	PVDWS	Vietnamese
5	CHRISTOFERNO DEDI ANGKASA	TD5	05-06	2	15			75	PVDWS	Indonesian
6	ĐÌNH DUY LONG	TD5	04	1	11			66	PVDWS	Vietnamese
7	YOYON SETIONO	TD5	03	1	15			78	PVDWS	Indonesian
8	TRẦN VĂN HUNG	TD5	08	1	11			72	PVDWS	Vietnamese
9	BUI ANH PHƯƠNG	TD5	01	1	5			72	PVDWS	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC BÀU	CTK3	72	1	8	3	60	57	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẦN VĂN TUẦN	CTK3	73	1	4			77	PSV	Vietnamese
12	LƯU MINH TUẦN	CTK3	70-71	2	10			76	NIPI	Vietnamese
13	THAI QUANG HUY	CTK3	69	1	5			70	DIEU PHAI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	9	657	9	83	1	5	3		
2	P9	0	0	0	0	3	32	1	12	CHUYEN 3 PAX P9-CTK3
3	CTK3	4	280	5	27	3	60	14		
TOTAL		13	937	14	110	7	97	18		
WEIGHT KG			937		110		97			

GRAND TOAL: 1.144 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/01/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK4+BK8+PPD	7:25	6+2+10	0+0+0		0+5+14	0+0+0	chuyen 1 bk8-ppd
2		HSD+HST+AMD	7:25	3+3+12	0+0+0		2+3+14	0+0+0	
3		TGTH1+AMD+P4	9:25	6+11+1	0+0+0		4+10+5	0+0+0	
4		PPD+P4	9:25	12+7	0+0		11+8	0+0	
5		P1+P2+RC3	11:25	6+13	0+0		5+13+1	0+0	
6		T.UUNG	12:25	19	0		16	0	

TTBBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2025	TO: BK4 - BK8 - PPD	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: NAM - TTRUNG	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐỖ VĂN ĐỊNH	BK4	65	1	14			71	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐOÀN ĐÌNH DUNG	BK4	62	1	13	1	8	61	XAYLAP	Vietnamese
3	HOÀNG VĂN MẠNH	BK4	66	1	12			69	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN BA ĐIỆN	BK4	69-70	2	17			80	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	BK4	67-68	2	18			82	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN QUANG	BK4	63-64	2	18			60	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐẶNG CÔNG DANH	BK8	09-11	2	18	1	8	71	CODIEN	Vietnamese
8	ĐỖ ĐỨC ANH	BK8	10	1	16	1	9	78	CODIEN	Vietnamese
9	TARGANOV GENNADII	PPD	06	1	4			95	ANTOAN	Russian
10	VŨ TIẾN NGỌC	PPD	03	1	6			82	KHI	Vietnamese
11	VÕ QUỐC ANH	PPD	01-02	2	13			77	KHI	Vietnamese
12	TRỊNH VĂN NHÀ	PPD	08-09	2	15			69	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT TIẾN	PPD	17-18	2	9			70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH TRUNG	PPD						71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN CAO CƯỜNG	PPD						69	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	01	1	2			66	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI VĂN ĐẠO	PPD	07	1	8			88	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CHUNG	PPD	04-05	2	8			75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK4	6	423	9	92	1	8	0		
2	BK8	2	149	3	34	2	17	5		CHUYEN 1 PAX BK8-PPD
3	PPD	10	762	12	65	0	0	14		PPD HA CANH P2
TOTAL		18	1.334	24	191	3	25	19		
WEIGHT KG			1.334		191		25			

GRAND TOAL: 1.550 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2025	TO: HSD - HST - AMD	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TRƯỜNG - ĐTRUNG	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HY TAC SANG	HSD	21-22	2	14			68	TLJOC	Vietnamese
2	ĐO THÈ THANH	HSD	18-19	2	15	1	20	74	KH-THAC	Vietnamese
3	CHU ĐỨC CHI	HSD	20	1	12			74	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM TUÂN CHUNG	HST	38	1	8			60	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN MINH HOAI	HST	37	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VĂN QUỐC	HST	04-05	2	11			61	PSV	Vietnamese
7	MOHAN AKASH	AMD	75	1	17			79	BAB	Indian
8	STANLEY FUREY	AMD	76-77	2	18			102	BAB	British
9	ĐOÀN VĂN DŨNG	AMD	73-74	2	7			72	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG TRUNG KIEN	AMD	84	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ QUỐC HUY	AMD	78-79	2	11			85	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ TRI TRUNG	AMD	87-88	2	10	2	38	68	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÀO MINH TUÂN	AMD						88	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ SỸ KHÔI	AMD	85	1	13			75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	80-81	2	7			64	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM THANH HUNG	AMD	82-83	2	13			58	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN LAM	AMD	86	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
18	TRƯỜNG THÈ KHAI	AMD	89	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	HSD	3	216	5	41	1	20	2		
2	HST	3	191	4	27	0	0	3		
3	AMD	12	903	17	114	2	38	14		
TOTAL		18	1.310	26	182	3	58	19		
WEIGHT KG			1.310		182		58			

GRAND TOAL: 1.550 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2025	TO: TGTH1 - AMD - P4	AIRCRAFT: 618	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: MMINH - TT RUNG	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LA NGOC HOAN	TGTH1	97	1	8	1	20	72	HLJOC	Vietnamese
2	PHAN VAN HAO	TGTH1	200.01	2	10			52	HLJOC	Vietnamese
3	NGUYEN HOANG LONG	TGTH1	98-99	2	13			71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN MANH HA	TGTH1	82	1	7			56	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN DUC CUONG	TGTH1	87	1	9			64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HUU TAI	TGTH1	88	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
7	LE VAN TRUONG	AMD	65	1	3	1	20	66	KH-THAC	Vietnamese
8	LE XUAN DONG	AMD	64	1	7			59	BAB	Vietnamese
9	NGUYEN HOANG PHUC PHI	AMD	67	1	6			71	BAB	Vietnamese
10	NGUYEN QUOC KHANH	AMD	59	1	10			69	BAB	Vietnamese
11	PHAM THE LONG	AMD	61-62	2	11			74	BAB	Vietnamese
12	TRINH NGOC HUNG	AMD	68	1	9			60	BAB	Vietnamese
13	LE THANH TAN	AMD	69-70	2	8			63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO VAN SAU	AMD	66	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
15	VU NGOC CHINH	AMD	58	1	10			87	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN DINH TIEN	AMD	60	1	4			58	PSV	Vietnamese
17	PHAN VAN TRONG	AMD	63	1	5			59	PSV	Vietnamese
18	PHAM CONG DIEN	P4				2	35	75	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN HONG	P4	08	1	3			54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TGTH1	6	397	8	51	1	20	4		
2	AMD	11	733	13	83	1	20	10		
3	P4	2	129	1	3	2	35	5		
TOTAL		19	1.259	22	137	4	75	19		
WEIGHT KG			1.259		137		75			

GRAND TOAL: 1.471 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2025	TO: P2 - P4	AIRCRAFT: 622	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TRUÔNG - ĐTRUNG	ETA: 11:45
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐINH VĂN HAI	P2	11	1	8			57	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN BAC	P2	74-75	2	16			60	KH-THAC	Vietnamese
3	BIỆN MINH SƠN	P2	72	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN SINH	P2	76-77	2	13			66	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN THANH TRI	P2	13	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ĐĂNG QUANG	P2	12	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG DUNG	P2	09-10	2	10			70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN TIẾN ĐẠT	P2	07-08	2	18			79	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG MINH KHANH	P2	73	1	9			58	KH-THAC	Vietnamese
10	ARTYUSHIN SERGEY	P2	06	1	12	3	45	92	ANTOAN	Russian
11	NGUYỄN MẠNH TUNG	P2	15	1	12			76	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HOAN	P2	14	1	8			73	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VĂN NAM	P4	99	1	5			80	PSV	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN TUYẾN	P4	98	1	3			78	PSV	Vietnamese
15	ĐÀO XUÂN THANH	P4	96-97	2	9	2	40	69	PSV	Vietnamese
16	TRẦN VĂN CÁN	P4	94	1	7			68	PSV	Vietnamese
17	TRẦN CÔNG VƯƠNG	P4	95	1	9			57	PSV	Vietnamese
18	TRỊNH CÔNG SƠN	P4	100	1	4			86	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P2	12	846	16	123	3	45	11		
2	P4	6	438	7	37	2	40	8		
TOTAL		18	1.284	23	160	5	85	19		
WEIGHT KG			1.284		160		85			

GRAND TOAL: 1.529 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/01/2025	TO: P1 - P2 - RC3	AIRCRAFT: 618	ETD: 12:10
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: MMINH - LTUÂN	ETA: 14:00
XANH-3			

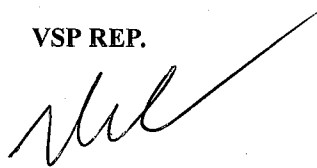
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN TRUNG KIẾN	P1	63	1	5	3	50	71	PSV	Vietnamese
2	LÊ HỒNG MINH	P1	62	1	8			73	PSV	Vietnamese
3	TRẦN CHÍNH CƯỜNG	P1	65	1	9			72	PSV	Vietnamese
4	PHAN SỸ HOÀN	P1	66-67	2	11			69	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	P1	60-61	2	19			64	PSV	Vietnamese
6	PHẠM CÔNG THANH	P1	64	1	6			71	PSV	Vietnamese
7	ĐẶNG QUỐC VIỆN	P2	96	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI CÔNG THANH	P2	92-93	2	16			81	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN ĐẠT	P2	94	1	10			65	XAYLAP	Vietnamese
10	VÔ HOANG LAM	P2	91	1	17			64	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM TUNG DƯƠNG	P2	95	1	6			78	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG HIỆU	P2	02	1	3			63	PSV	Vietnamese
13	BUI LONG HUNG	P2	98	1	5			68	PSV	Vietnamese
14	PHẠM THANH HUNG	P2	16	1	4			62	PSV	Vietnamese
15	BUI HỮU TRI	P2	01	1	5			59	PSV	Vietnamese
16	HOÀNG VĂN CÔNG	P2	99	1	4			57	PSV	Vietnamese
17	HOÀNG QUỐC LONG	P2	400	1	5			57	PSV	Vietnamese
18	LÊ ĐỨC THIÊN	P2	97	1	6	2	40	63	PSV	Vietnamese
19	LÊ TRI HAO	RC3	19	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P1	6	420	8	58	3	50	5		
2	P2	12	784	13	85	2	40	13		
3	RC3	1	65	1	5	0	0	1		
TOTAL		19	1.269	22	148	5	90	19		
WEIGHT KG			1.269		148		90			

GRAND TOAL: 1.507 KGS

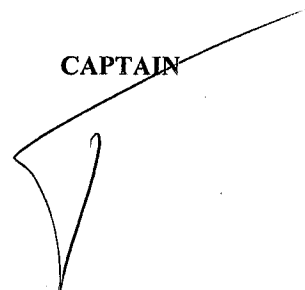
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2025	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 620	ETD: 12:30
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HHAI - VUONG	ETA: 15:45
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	QUACH VAN THAO	T.UNG	46-47	2	8			74	YTE	Vietnamese
2	HUYNH HIEU NGHIA	T.UNG	48-49	2	18			76	PVEP ITC	Vietnamese
3	NGUYEN DUY TUAN	T.UNG	45	1	6			79	PVEP ITC	Vietnamese
4	FEDORCHENKO V.D.	T.UNG	57-59	3	16			82	KH-THAC	Russian
5	PHAM QUANG QUY	T.UNG	52	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG ANH MINH	T.UNG	60	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
7	DUONG VAN MANH	T.UNG	54-55	2	7			66	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN XUAN THUY	T.UNG	53	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN THANH	T.UNG	64	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
10	LE DUY DUC	T.UNG	67	1	3			61	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN CHINH	T.UNG	51	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
12	LUONG VAN LUONG	T.UNG	63	1	8			89	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI TRONG HUNG	T.UNG	56	1	11			64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN HAI	T.UNG	61	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN LEM	T.UNG	62	1	11			68	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYEN HONG SON	T.UNG	66	1	11	1	16	70	CODIEN	Vietnamese
17	HA QUANG HUY	T.UNG	65	1	8			66	CODIEN	Vietnamese
18	DOAN MINH TUAN	T.UNG	68	1	10	5	56	64	CODIEN	Vietnamese
19	MAI DINH KHANG***	T.UNG	50	1	12			51	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	T.UNG	19	1.315	24	163	6	72	16		
TOTAL		19	1.315	24	163	6	72	16		
WEIGHT KG			1.315		163		72			

GRAND TOAL: 1.550 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN